

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 09/2000/TT-NHNN3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2000

THÔNG TƯ

*Hướng dẫn thi hành Nghị định số 20/2000/NĐ-CP ngày 15/6/2000 của
Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động Ngân hàng*

Căn cứ Điều 42 của Nghị định số 20/2000/NĐ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục I

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng được quy định tại khoản 1 điều 1 Nghị định số 20/2000/NĐ-CP. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính lập hồ sơ chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Khi phát hiện hành vi vi phạm có tính chất phức tạp, vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm, để quyết định xử lý hành chính hay hình sự đối với hành vi ấy, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cần trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Những hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã chuyển sang Cơ quan Điều tra, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án của cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự thì trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải xem xét để xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 20/2000/NĐ-CP.

2. Các vi phạm khác liên quan đến hoạt động ngân hàng như hành vi trốn thuế, lậu thuế, vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng... thì xử lý theo quy định khác của pháp luật (xử phạt vi phạm về thuế theo quy định của pháp luật về thuế, xử lý hành vi tham nhũng theo quy định của Pháp lệnh Chống tham nhũng...).

3. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định tại khoản 2 điều 1 Nghị định số 20/2000/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Các tổ chức tín dụng Nhà nước (bao gồm: Ngân hàng thương mại, Ngân hàng phát triển, Ngân hàng đầu tư, Ngân hàng Chính sách và tổ chức tín dụng phi ngân hàng);
- b) Các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân;
- c) Các tổ chức tín dụng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam (gồm chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng liên doanh; tổ chức tín dụng phi ngân hàng);
- d) Văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng nước ngoài đặt tại Việt Nam;
- đ) Các tổ chức tín dụng hợp tác;
- e) Tổng Công ty Vàng bạc Đá quý Việt Nam;
- g) Các doanh nghiệp trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- h) Các tổ chức không phải tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngân hàng;
- i) Cá nhân thuộc các tổ chức trên;
- k) Tổ chức, cá nhân khác có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Mục II

Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng:

Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng được áp dụng khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng như sau:

1. Về tình tiết giảm nhẹ: để xác định được tình tiết giảm nhẹ như việc tự ngăn chặn, làm giảm bớt thiệt hại hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, phải có xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên nếu là tổ chức hoặc của cơ quan, đơn vị quản lý người vi phạm nếu là cá nhân.

2. Về tình tiết tăng nặng "Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm":

Vi phạm nhiều lần tức là trường hợp thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực mà trước đó đã vi phạm nhưng chưa bị xử phạt và chưa hết thời hiệu xử phạt.

Tái phạm tức là trường hợp thực hiện vi phạm hành chính và đã bị xử phạt nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại vi phạm hành chính trong cùng lĩnh vực đó.

Mục III

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Khi xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại các điều 45, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Do tính chất đặc thù của hoạt động ngân hàng nên không áp dụng thủ tục quy định tại

điều 46, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính quy định về thủ tục đơn giản. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thêm một số nội dung như sau:

1. Tạm đình chỉ ngay vi phạm hành chính:

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra lệnh tạm đình chỉ ngay vi phạm hành chính đang diễn ra, khi phát hiện có vi phạm hành chính.

2. Lập biên bản vi phạm hành chính:

a. Sau khi ra lệnh tạm đình chỉ vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính và báo cáo lên cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 và khoản 7 điều 13, khoản 3 điều 14 Nghị định số 91/1999/NĐ-CP ngày 4-9-1999 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngân hàng.

b. Việc lập biên bản vi phạm hành chính được áp dụng đối với mọi trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

c. Biên bản phải được lập thành ít nhất là 2 bản theo mẫu 1a đính kèm theo Thông tư này và phải được người lập biên bản, người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; nếu có người làm chứng, người bị thiệt hại, thì họ cũng phải ký vào biên bản. Trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người làm chứng, người bị thiệt hại từ chối ký thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

d. Biên bản lập xong phải trao cho cá nhân, tổ chức vi phạm 1 bản. Nếu vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì họ phải gửi biên bản đó đến người có thẩm quyền xử lý trong thời hạn 3 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

3. Quyết định xử phạt:

a. Quyết định xử phạt được lập thành ít nhất là 5 bản theo mẫu 1b đính kèm theo Thông tư này (đối với hình thức xử phạt chính: phạt cảnh cáo) hoặc được lập thành ít nhất là 7 bản theo mẫu 1c đính kèm theo Thông tư này (đối với hình thức xử phạt chính: phạt tiền); địa chỉ gửi theo quy định tại "nơi nhận" ghi tại quyết định.

b. Thời hạn ra quyết định xử phạt là 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp, phải thẩm tra, xác minh thêm thì có thể kéo dài thời hạn trên nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Nếu một người hoặc một tổ chức cùng thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt hành chính đối với từng hành vi vi phạm theo hình thức, mức phạt đã quy định đối với từng hành vi vi phạm.

c.Nếu các hành vi vi phạm hành chính của một người hoặc một tổ chức đều xảy ra cùng một thời điểm, cùng một sự việc, cùng một người có thẩm quyền xử phạt; thì chỉ cần ra một quyết định xử phạt, quyết định xử phạt này phải ghi rõ từng hành vi vi phạm bị xử phạt, hình thức, mức phạt đối với từng hành vi. Nếu phạt tiền, được cộng các mức phạt tiền của từng hành vi vi phạm thành số tổng cộng (mức phạt chung) của quyết định xử phạt, để tổ chức vi phạm, người vi phạm thi hành. Mức phạt chung này không phải là mức phạt của người có thẩm quyền quy định tại điều 10 Nghị định số 20/2000/NĐ-CP. Mức phạt đối với từng hành vi vi phạm phải căn cứ vào quy định đối với từng hành vi vi phạm tại các điều thuộc chương II Nghị định số 20/2000/NĐ-CP.

d.Nhiều tổ chức hay nhiều cá nhân có cùng một hành vi vi phạm hành chính, thì mỗi tổ chức, cá nhân vi phạm bị xử phạt như sau:

Một hành vi vi phạm hành chính mà nhiều tổ chức, cá nhân cùng thực hiện, thì mỗi tổ chức, cá nhân đó đều bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm đó.

Một vụ việc mà nhiều tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính giống nhau, nhưng giữa họ lại không có sự liên quan với nhau trong quá trình diễn ra hành vi vi phạm, thì mỗi tổ chức, cá nhân đều bị xử phạt bằng quyết định xử phạt riêng. Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm của từng tổ chức, cá nhân mà người có thẩm quyền xử phạt quyết định mức phạt cụ thể đối với từng tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.

đ.Người có thẩm quyền xử phạt không được chia một hành vi vi phạm thành nhiều hành vi vi phạm nhỏ để xử phạt nhiều lần cho phù hợp với thẩm quyền xử phạt của cấp mình.

e.Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

g.Thời hạn gửi quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt và cơ quan thu tiền phạt là 3 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

4. Thủ tục phạt tiền:

a.Tất cả các trường hợp phạt tiền đều phải thực hiện theo thủ tục quy định tại điểm 2 và điểm 3 mục III chương I của Thông tư này. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền trực tiếp nộp tiền phạt vào ngân sách Nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước. Nghiêm cấm người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt trực tiếp thu tiền phạt. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt phải nộp tiền tại nơi ghi trong quyết định xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt.

b.Quyết định phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên phải gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 3 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày có quyết định phạt tiền.

5. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép:

a. Thẩm quyền tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng thuộc Thông đốc Ngân hàng Nhà nước và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với tổ chức tín dụng và tổ chức khác có hoạt động ngân hàng mà Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quyền cấp giấy phép). Căn cứ kết luận thanh tra, Chẩn thanh tra Ngân hàng Nhà nước hoặc Chẩn thanh tra chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt này.

b. Người có thẩm quyền xử phạt phải ghi rõ trong quyết định xử phạt: tên, loại, số giấy phép, thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép. Trong trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn thì khi hết thời hạn ghi trong quyết định xử phạt người có thẩm quyền xử phạt phải trao lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân sử dụng giấy phép đó.

c. Khi phát hiện giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật, thì người có thẩm quyền xử phạt phải báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để thu hồi theo quy định của pháp luật.

6. Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

a. Người ra quyết định xử phạt phải lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo mẫu 1d đính kèm Thông tư này. Biên bản phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người làm chứng.

Trong trường hợp cần niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm thì phải tiến hành ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; nếu người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người làm chứng.

b. Quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên phải gửi ngay cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 3 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày có quyết định xử phạt.

c. Thủ tục xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo điều 52 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

7. Chuyển hồ sơ vi phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự:

Việc chuyển hồ sơ vi phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với vi phạm có dấu hiệu tội phạm. Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý hành chính.

Chương II

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH

CHÍNH VÀ VIỆC ÁP DỤNG CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Mục I